

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 404 /2023/DS-PT

Ngày 31 - 7 - 2023

V/v tranh chấp “Quyền về lỗi đi qua”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H1 phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán:

Ông Võ Thanh Bình.

Ông Trần Hữu Tính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLPT-DS ngày 08/3/2023 về việc tranh chấp “Quyền về lỗi đi qua”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 293/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 500/2023/QĐ-PT ngày 28/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Văn H, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: ấp HB, xã ĐT, huyện GCT, Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông H: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1987 (có mặt) (Theo Hợp đồng ủy Q ngày 04/4/2023).

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn VB, huyện GCT, Tiền Giang.

- Bị đơn:

1/ Lê Văn Ph, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: ấp HB, xã ĐT, huyện GCT, Tiền Giang

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn Lê Văn Ph: Lê Văn T, sinh năm 1974 (theo văn bản ủy quyền ngày 26/5/2020) (có mặt).

Địa chỉ: ấp HB, xã ĐT, huyện GCT, Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn Ph: Luật sư Trần Như Lực – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ Lê Văn N, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp HB, xã ĐT, huyện GCT, Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :*

1/ Nguyễn Thị P1, sinh năm 1973 (vắng mặt).

2/ Nguyễn Văn C, sinh năm 1973 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp HB, xã ĐT, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

3/ Lê Thị Kim L, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: ấp HB, xã ĐT, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà L: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1987 (có mặt) (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 04/4/2023).

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn VB, huyện GCT, Tiền Giang.

4/ Lê Minh Q, sinh năm 1981 (xin vắng mặt);

5/ Lê Minh T1, sinh năm 1989 (xin vắng mặt);

6/ Lê Minh Tr, sinh năm 1992 (xin vắng mặt);

7/ Lê Minh Th, sinh năm 1997 (xin vắng mặt);

8/ Lê Minh P2, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp HB, xã ĐT, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

9/ Lê Văn Kh, sinh năm 1977 (có mặt);

10/ Lê Văn T, sinh năm 1974 (có mặt);

11/ Đào Thị H1, sinh năm 1955 (có mặt);

12/ Lê Thành T2, sinh năm 1980 (xin vắng mặt);

13/ Lê Văn Th2, sinh năm 1975 (có mặt);

14/ Lê Thị Hạnh D, sinh năm 1979 (xin vắng mặt);

15/ Lê Ngọc T4, sinh năm 1992 (xin vắng mặt);

16/ Lê Ngọc T5, sinh năm 1994 (xin vắng mặt);

17/ Nguyễn Thị V, sinh năm 1968 (xin vắng mặt);

18/ Nguyễn Hữu P3, sinh năm 1979 (xin vắng mặt);

19/ Lê Thị Mỹ L1, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp HB, xã ĐT, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Lê Văn N, Lê Văn Ph; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đào Thị H1.

NỘI D VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông H trình bày:

Ông và ông Ph, ông N là anh em ruột. Ông đứng tên quyền sử dụng thửa đất số 383 tờ bản đồ số 14, diện tích 719,1m², đất tại ấp HB, xã ĐT, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02087 do Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 03/10/2008 và diện tích 4.794m², thửa đất 387 tờ bản đồ số 14 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02078 do Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 03/10/2008.

Nguồn gốc các thửa đất này do cha ông cho và nằm ở phía sau đất của ông Ph, ông N nên ông N đồng ý cho ông đắp đất bờ và tráng đan ngang 0,5m, dài cấp theo ranh đất của ông N thuộc thửa đất số 388, tờ bản đồ số 14, có chiều dài khoảng 20m. Đường đi này ông đã sử dụng đi trên 30 năm nay và đây là lối đi duy nhất.

Cách đây 02 tháng, ông Ph phát sinh tranh chấp cho rằng lối đi này thuộc quyền sử dụng đất của ông Ph thuộc thửa đất 382, cho rằng ông lấn chiếm đất của ông Ph và có khởi kiện ra Ủy ban nhân dân xã ĐT giải quyết và ông Ph yêu cầu đo đạc lại. Để đi ra đường đi công cộng thì ông phải đi qua đất của ông Ph, ông N và đất của ông C. Do ông Ph có hành vi ngăn cản không cho ông đi trên lối đi này nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Ph chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng lối đi trên đường đan ngang 0,5m dài khoảng 20m, đường đan này do gia đình ông làm.

Ông H yêu cầu mở lối đi với diện tích 23m² thuộc thửa đất số 382, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.172,6m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04467 do UBND huyện GCT cấp ngày 03/10/2008 cho ông Ph, bà H1 đứng tên và diện tích 26,9m², thuộc thửa đất số 388, tờ bản đồ số 14, diện tích 5.240,7m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 04084 do UBND huyện GCT cấp ngày 03/10/2008 cho ông N, bà V đứng tên.

* Anh Lê Văn T - đại diện ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn Ph, đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và bà Đào Thị H1 trình bày:

Ông Ph và bà H1 là vợ chồng, nguồn gốc đất của ông Ph là do cha của ông cho và ông đã đứng tên diện tích 1.172,6m², thửa đất số 382, tờ bản đồ số 14, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 04467 do Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 03/10/2008, đất tại ấp HB, xã ĐT, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Năm 2000 do gia đình ông Ph không có ở nhà nên ông H đã tự ý mở con đường đi trên đất của ông mà ông không hay biết. Năm 2020 ông Ph quay về sống, có yêu cầu địa chính đo đất lại thì mới biết ông H đã mở lối đi trên đất của ông, ông thừa nhận ông H đi trên lối đi này từ năm 2000 đến nay.

Nay anh và bà H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, không đồng ý cho ông H mở lối đi trên phần đất của ông Ph.

* Bị đơn ông Lê Văn N trình bày:

Ông và ông H, ông Ph là anh em ruột. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, không đồng ý cho ông H mở lối đi trên đất của ông. Ông đứng tên thửa đất số 388, tờ bản đồ số 14, diện tích 5.240,7m², loại đất lúa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 04084 do Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 03/10/2008.

Trước đây, ông H cất nhà theo hướng khác, có lối đi khác là lối đi trên ranh giới giữa hai thửa ruộng, sau khi ông Ph đi trốn nợ thì ông H cất nhà nhỏ ở quay về hướng đất của ông Ph như hiện nay thì tự phá làm lối đi trên đất của ông Ph từ năm 2001 đến nay. Thời điểm ông H đi trên lối đi này thì ông biết nhưng không có ý kiến vì ông không biết ông H có đi trên đất của ông hay không nên ông không có ngăn cản mà để ông đi cho đến nay. Ông thừa nhận ông H đi trên lối đi này từ trước đến nay. Nay, ông không đồng ý cho ông H mở lối đi trên phần đất của ông.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà thống nhất theo những lời khai của ông N, bà không có ý kiến, bà xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn Kh, anh Lê Thành T2, anh Lê Văn Th2, chị Lê Thị Hạnh D cùng trình bày:

Ông H lấy đất gia đình các anh chị làm lối đi riêng trong lúc gia đình ông Ph khó khăn phải bỏ nhà ra đi lên thành phố để kiếm sống. Nay, các anh chị yêu cầu Tòa án xét duyệt buộc ông H phải trả lại phần đất mà bao nhiêu năm ông đã chiếm đoạt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim L trình bày:

Bà là vợ ông H. Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông H. Bà yêu cầu được mở lối đi ngang 01m, dài 40m trên phần đất của ông N và ông Ph để gia đình bà có lối đi.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Ngọc T4, anh Lê Ngọc T5 cùng trình bày:

Hai anh thống nhất với lời khai của ông N, hai anh không có ý kiến gì khác, xin được vắng mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Minh Q, Lê Minh T1, Lê Minh Tr, Lê Minh Th, Lê Minh P2 cùng trình bày:

Các anh là con của ông H, bà L, các anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông H. Hiện nay, gia đình các anh không có lối đi nào khác ngoài lối đi duy nhất trên đất ông Lê Văn N đã cho đi cách đây hơn 30 năm. Hiện ông Ph có hành vi cản trở là không đúng. Do đó, các anh yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị P1 cùng trình bày:

Anh chị là vợ chồng và là người hàng xóm với nguyên đơn và bị đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì anh chị không có ý kiến. Tuy nhiên, ông H đi từ nhà ra đường đi công cộng thì phải đi qua đất của ông Ph, ông N và đi qua đất của anh chị ở phía ngoài. Trước đây và hiện nay, anh chị đồng ý chừa một phần diện tích đất để cho người dân đi, anh chị không có ngăn cản. Anh chị và ông Ph thỏa thuận chừa ngang 01m, dài 21m để làm đường đi cho ông Ph đi. Nay, anh chị đồng ý để một phần đất để cho mọi người đi không có ngăn cản hay yêu cầu gì.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu P2, chị Lê Thị Mỹ L1 cùng trình bày:

Anh chị là vợ chồng và là con gái và con rể của ông H. Anh chị đứng tên diện tích 2.255,9m², thửa đất số 351, tờ bản đồ số 14, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 04555 do UBND huyện GCT cấp ngày 03/10/2008 giáp

ranh ở phía ngoài giáp với đường đi công cộng, một bên là đất của anh chị và một bên là đất của ông C. Nay, cha anh chị tranh chấp, anh chị thống nhất với ý kiến và yêu cầu của cha. Anh chị cũng tự nguyện cho mọi người dân trong đó có cha anh chị đi trên phần đất giáp ranh với ông C. Anh chị không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 293/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 254, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

Buộc ông Lê Văn Ph, bà Đào Thị H1, anh Lê Văn Kh, anh Lê Văn T, anh Lê Thành T2, anh Lê Văn Th2, chị Lê Thị Hạnh D có nghĩa vụ mở lối đi cho ông Lê Văn H diện tích 23m², thuộc thửa đất số 382, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.172,6m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 04467 do UBND huyện GCT cấp ngày 03/10/2008 cho ông Ph, bà H1 đứng tên. Có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất ông Lê Văn Ph;
- + Tây giáp đất ông Lê Văn N;
- + Nam giáp đất ông Lê Văn N;
- + Bắc giáp đất ông Lê Văn Ph.

Buộc ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị V, anh Lê Ngọc T4 và anh Lê Ngọc T5 có nghĩa vụ mở lối đi cho ông Lê Văn H diện tích 26,9m², thuộc thửa đất số 388, tờ bản đồ số 14, diện tích 5.240,7m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04084 do UBND huyện GCT cấp ngày 03/10/2008 cho ông N, bà V đứng tên. Cụ thể:

- Diện tích 3,2m², có vị trí như sau:
 - + Đông giáp đất ông Lê Văn N;
 - + Tây giáp đất ông Lê Văn N;
 - + Nam giáp đất ông Lê Văn H;
 - + Bắc giáp đất ông Lê Văn Ph.
- Diện tích 23,7m², có vị trí như sau:
 - + Đông giáp đất ông Nguyễn Văn C;
 - + Tây giáp đất ông Lê Văn N;
 - + Nam giáp đất ông Lê Văn N;
 - + Bắc giáp đất ông Lê Văn Ph.

Ông Lê Văn H có nghĩa vụ giao cho ông Lê Văn Ph, bà Nguyễn Thị H1 số tiền 6.900.000 đồng (Sáu triệu chín trăm ngàn đồng) và giao cho ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị V số tiền 5.380.000 đồng (Năm triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Ph, ông N, bà H1, bà V cho đến khi thi hành án xong, ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Mỹ L1, anh Nguyễn Hữu P2, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị P1, ông Lê Văn H, bà Đào Thị H1 đồng ý cho ông Lê Văn H sử dụng phần đất có tổng diện tích 65,7m² để làm lối đi ra đường công cộng, ông H không phải hoàn trả giá trị đất cho các đương sự nêu trên, cụ thể sau đây:

- Diện tích 27,7m², thuộc thửa đất số 382, tờ bản đồ số 382, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.172,6m², theo Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số H04467 do UBND huyện GCT cấp ngày 03/10/2008 cho ông Ph, bà H1 đứng tên, có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất ông Nguyễn Văn C;
- + Tây giáp đất ông Lê Văn Ph;
- + Nam giáp đất ông Lê Văn N;
- + Bắc giáp đất chị Lê Thị Mỹ L1.

- Diện tích 13,2m², thuộc thửa đất số 656 (thửa cũ 351), tờ bản đồ số 14, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 04555 do Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 03/10/2008 cho anh P2, chị L1 đứng tên. Có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất ông Nguyễn Văn C;
- + Tây giáp đất chị Lê Thị Mỹ L1;
- + Nam giáp đất ông Lê Văn Ph;
- + Bắc giáp Đường nam kênh N8-8.

- Diện tích 11,1m², thuộc thửa đất số 353, tờ bản đồ số 14, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 01359 do Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 13/8/2012 cho anh C, chị P1 đứng tên. Có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất ông Nguyễn Văn C;
- + Tây giáp đất ông Lê Văn Ph;
- + Nam giáp đất ông Lê Văn Ph;
- + Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn C.

- Diện tích 13,7m², thuộc thửa đất số 352, tờ bản đồ số 14, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

CH01360 do Ủy ban nhân dân huyện GCT cấp ngày 13/8/2012 cho anh C, chị P1 đứng tên. Có vị trí như sau:

- + Đông giáp đất ông Nguyễn Văn C;
- + Tây giáp đất chị Lê Thị Mỹ L1;
- + Nam giáp đất ông Lê Văn Ph;
- + Bắc giáp Đường nam kênh N8-8.

(Tất cả các phần đất có sơ đồ trích đo thửa đất kèm theo)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 30/9/2022, ông Lê Văn N có đơn kháng cáo yêu cầu: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì nguyên đơn không bị vây bọc bởi bất động sản khác, mà có các lối đi có sẵn hợp lý, tiện lợi hơn, không gây ra bất cứ thiệt hại hoặc ảnh hưởng đến bất động sản khác.

* Ngày 30/9/2022, ông Lê Văn Ph và bà Đào Thị H1 có đơn kháng cáo yêu cầu: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì nguyên đơn không bị vây bọc bởi bất động sản khác, mà có các lối đi có sẵn hợp lý, tiện lợi hơn, không gây ra bất cứ thiệt hại hoặc ảnh hưởng đến bất động sản khác.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Ông Lê Văn N, ông Lê Văn Ph và bà Đào Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn Ph có nhiều lập luận cho rằng: Ông H có lối đi thuận tiện là lối đi qua thửa đất số 384 của ông Lê Văn N, qua đất của chị L1 – con của ông H để ra đường công cộng và lối đi trên bờ của thửa 388 của ông Lê Văn N, thửa số 387 của ông H để ra đường công cộng, đến đất của chị L1 – con của ông H. Ông N tự nguyện mở các lối đi này cho ông H. Giữa ông N và ông Ph có tranh chấp ranh đất, là phần đất lối đi nguyên đơn yêu cầu bị đơn mở, chưa có cơ sở xác định lối đi này thuộc đất của ông N hay của ông Ph. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

- Bà Trần Thị Kim P – đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn H và bà Lê Thị Kim L không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N, ông Lê Văn Ph và bà Đào Thị H1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội D vụ án: Giữa ông Ph và ông N chưa xác định được ranh đất, có tranh chấp và ông Ph, ông N không đồng ý với ranh đất theo sơ đồ trích đo ngày 09/12/2020 của Tòa án cấp sơ thẩm. Việc mở lối đi theo sơ đồ trích đo ngày

09/12/2020 của Tòa án cấp sơ thẩm không thể thi hành án được. Lối đi có một đoạn nằm trên đất của ông Ph, một đoạn nằm trên đất của ông N với nhiều số đo chiều rộng khác nhau, không thuận tiện cho ông Ph, ông N quản lý, sử dụng diện tích đất còn lại, đồng thời cũng không thuận tiện cho ông H đi lại. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C trình bày: vợ chồng anh chỉ cho ông H đi nhờ trên đất của anh chị để đi ra đường công cộng, chứ không đồng ý cho ông H diện tích đất 13,1m² thuộc thửa 352 và 11,1m² thuộc thửa 353 để ông H sử dụng làm lối đi mà không phải hoàn trả giá trị đất như Bản án sơ thẩm ghi nhận. Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng, ảnh hưởng đến quyền, lợi của các đương sự. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm, chưa xem xét đến kháng cáo của ông Lê Văn N, ông Lê Văn Ph và bà Đào Thị H1.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm Q và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị P1, anh Lê Minh Q, anh Lê Minh T1, anh Lê Minh Tr, anh Lê Minh Th, anh Lê Minh P2, anh Lê Thành T2, chị Lê Thị Hạnh D, anh Lê Ngọc T4, anh Lê Ngọc T5, bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Hữu P2, anh Lê Thị Mỹ L1 vắng mặt, nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N, ông Lê Văn Ph và bà Đào Thị H1; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Thửa đất số 383, tờ bản đồ số 14, diện tích 719,1m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 02087 do UBND huyện GCT cấp ngày 03/10/2008 cho ông Lê Văn H nằm ở phía sau các thửa đất gồm: thửa đất số 382, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.172,6m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 04467 do UBND huyện GCT cấp ngày 03/10/2008 cho ông Lê Văn Ph, bà Đào Thị H1 và thửa đất số 388, tờ bản đồ số 14, diện tích 5.240,7m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04084 do UBND huyện GCT cấp ngày 03/10/2008 cho ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị V, cùng tọa lạc tại ấp HB, xã ĐT, huyện GCT, Tiền Giang.

Theo ông H trình bày: Từ năm 2000 đến nay, gia đình ông đã sử dụng lối đi trên đất của ông Ph, bà H1 và ông N, bà V để ra đường công cộng, ngoài ra không còn lối đi nào khác.

Ông Ph, ông N cho rằng ông H có 02 lối đi khác, sử dụng từ trước năm 1975 cho đến nay gồm: lối đi qua thửa đất số 384 của ông Lê Văn N, qua đất con của ông H là chị Lê Thị Mỹ L1 để ra đường công cộng và lối đi trên bờ của thửa 388 của ông Lê Văn N, thửa số 387 của ông H để ra đường công cộng (Bút lục 35). Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh ngày 09/12/2020 (Bút lục 141), cán bộ địa chính xã xác định: Ngoài lối đi trên phần đất của ông H, bà H1 và ông N, bà V thì ông H không có lối đi nào khác. Như vậy, thửa đất số 383 của ông H đã bị vây bọc bởi các bất động sản khác và yêu cầu mở lối đi tranh chấp của ông H là có căn cứ; lối đi này thuận tiện và hợp lý nhất đồng thời cũng gây ít thiệt hại nhất cho phía ông Ph, bà H1 và ông N, bà V.

Tuy nhiên, thực trạng lối đi tranh chấp có chiều ngang quá nhỏ hẹp, có chiều ngang từ 0,5m đến 1,2m, có 01 bên giáp hàng rào lưới B40 của ông Ph và 01 bên giáp mí ruộng của ông N, việc đi lại gặp nhiều khó khăn; đồng thời cũng gây khó khăn cho việc quản lý, sử dụng đất của ông Ph, ông N. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/7/2023, ông H và đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày: Theo đơn khởi kiện ông yêu cầu mở lối đi ngang 01m, hiện trạng đã được đồ đạc; tuy nhiên qua đo đạc thực tế thì ông H yêu cầu mở lối đi hiện hữu có đoạn ngang 0,5m.

[2.2] Theo Biên bản hòa giải ngày 24/4/2020 tại UBND xã ĐT (bút lục 13 đến 15), giữa ông Ph, ông N và ông H thống nhất: Sau khi đo đạc đất của ông Ph xong theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Ph thì phần lối đi còn lại bao nhiêu ông N tạo điều kiện cho ông H tiếp tục đi nhưng không được bồi đắp thêm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/7/2023, bị đơn ông Lê Văn N và anh Lê Văn T – đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn Ph thống nhất trình bày: Giữa ông Ph và ông N chưa thống nhất xác định ranh đất, mốc giới đất, có tranh chấp, cho nên phần đất lối đi ông H yêu cầu mở chưa xác định được thuộc toàn bộ đất của ông Ph hay có 01 phần đất của ông N như bản án sơ thẩm đã tuyên. Sau khi UBND xã ĐT hòa giải ngày 24/4/2020, ông Ph đã có yêu cầu cơ quan quản lý đất đai cấp huyện và cán bộ địa chính xã tiến hành đo đạc đất của ông Ph, đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, nhưng chưa có kết quả do ông H ngăn cản, tranh chấp. Ông Lê Văn N và ông Lê Văn Ph không đồng ý với việc xác định ranh giới đất của ông Ph, ông N theo sơ đồ đạc của Tòa án cấp sơ thẩm.

Xét thấy: Việc thống nhất xác định ranh giới, mốc giới đất giữa ông Ph với ông N là cần thiết, là cơ sở xác định diện tích đất lối đi tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của ông N hay toàn bộ của ông Ph, là nhằm đảm bảo cho công tác thi hành án và thực hiện bồi hoàn giá trị đất đúng người. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ giữa ông N và ông Ph có tranh chấp ranh giới với nhau hay không, là có thiếu sót, chưa đảm bảo thi hành án.

[2.3] Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2022 (Bút lục 87, 88), vợ chồng chị P1, anh C trình bày: vợ chồng anh chị vẫn chưa 01 phần đất để làm lối đi cho

người dân ngang khoảng 0,5m, dài 60m; nay tự nguyện cho ông H đi, không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

Tại Bản tự khai ngày 07/8/2022 (Bút lục 92), vợ chồng anh P2, chị Mỹ L1 trình bày: Chị L1 là con ruột của nguyên đơn ông Lê Văn H, anh P2 là con rể. Đất của vợ chồng anh chị giáp đường đi công cộng; giữa đất của vợ chồng anh chị và đất của vợ chồng anh C, chị P1 có 01 lối đi. Anh chị tự nguyện cho mọi người dân trong đó có ông H đi trên phần đất của vợ chồng chị giáp ranh với đất của vợ chồng anh C, chị P1, không có tranh chấp hay yêu cầu gì.

Tuy nhiên, tại các Biên bản hòa giải và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/9/2022 (Bút lục 188 đến 191), ngày 10/3/2021 (Bút lục 165 đến 168), ngày 30/7/2020 (Bút lục 158 đến 162) và tại phiên tòa sơ thẩm (bút lục 200 đến 205), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh C, chị P1, anh P2, chị L1, bị đơn ông Lê Văn Ph, bị đơn ông Lê Văn N, anh Lê Văn T – đại diện theo ủy quyền của ông Ph đều không thể hiện ý kiến gì tự nguyện để cho ông H đi trên đất của họ để ra lộ công cộng và không đòi hỏi hoàn giá trị đất đối với phần đất lối đi chung. Phần lối đi này ông H không có yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án ghi nhận. Nhưng Bản án sơ thẩm nhận định: *“Căn cứ biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/8/2022 và sơ đồ trích đo thửa đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện GCT thể hiện nguyên đơn muốn đi ra đường đi công cộng sau khi đi qua hết đất của ông N, ông Ph thì phải đi qua phần đất của anh C, chị P1, anh P2, chị L1 và một phần đất ông Ph, bà H1 mới đi ra được đường đi công cộng. Tại phiên tòa, cũng như tại bản tự khai trình bày của các đương sự đều tự nguyện để cho người dân đi trong đó có ông H mà không đòi hỏi hoàn giá trị đất nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, diện tích các đương sự tự nguyện cho đi với diện tích 65,7m²”*.

Tại Đơn yêu cầu xem xét đề ngày 15/6/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị P1 trình bày: Chị hoàn toàn không đồng ý dành 01 phần đất của mình để làm lối đi cho bất kỳ ai, mà không phải đền bù giá trị đất cho chị; việc Tòa án cấp sơ thẩm cắt đất của chị làm lối đi và tước quyền đền bù đất là vi phạm pháp luật; nếu bản án sơ thẩm có hiệu lực thì Tòa án cấp sơ thẩm phải bồi thường thiệt hại cho chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 25/7/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C – chồng chị Nguyễn Thị P1 xác định vợ chồng anh tự nguyện cho ông H đi nhờ trên đất của anh để ra đường công cộng nhưng không đồng ý cho ông Lê Văn H phần đất diện tích đất 13,1m² thuộc thửa 352 và 11,1m² thuộc thửa 353 để làm lối đi ra đường công cộng mà không phải hoàn trả giá trị đất như Bản án sơ thẩm đã ghi nhận; việc ghi nhận như vậy làm ảnh hưởng quyền sử dụng đất của vợ chồng anh. Anh thừa nhận chữ ký trong Biên bản tổng đạt của Tòa án cấp sơ thẩm về việc giao nhận bản án, Thông báo kháng cáo là của anh, nhưng thực tế anh không nhận được bản án sơ thẩm, cho nên vợ chồng anh không thực hiện được quyền kháng cáo của mình đối với việc ghi nhận này. Như vậy nhận định của Bản án sơ thẩm như trên là vi phạm quyền tự định đoạt của các đương sự theo Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn H, nhưng không tuyên ông Lê Văn Ph và ông Lê Văn N có phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hay không, là có thiếu sót, chưa đúng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Ngày 21/9/2022, nguyên đơn ông Lê Văn H có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện buộc ông Lê Văn Ph chấm dứt hành vi cản trở ông sử dụng lối đi tranh chấp (Bút lục 195). Tại phần Quyết định của Bản án sơ thẩm không tuyên về việc rút 01 phần yêu cầu khởi kiện này, là có thiếu sót.

[3] Xét thấy: Các thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; nhằm đảm bảo thi hành án khi Tòa án giải quyết yêu cầu mở lối đi và đảm bảo quyền lợi của ông N và ông Ph – người bị buộc mở lối đi, cần thiết hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo thủ tục chung. Do hủy bản án sơ thẩm nên chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N, ông Lê Văn Ph và bà Đào Thị H1.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông Ph có 01 phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên ông Lê Văn N, ông Lê Văn Ph và bà Đào Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 293/2022/DS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện GCT giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm được xác định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại ông Lê Văn N phải chịu 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006438 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GCT.

Ông Lê Văn Ph, bà Đào Thị H1 không nộp tạm ứng án phí.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 45 phút, ngày 31/7/2023, có mặt: ông H, bà L, chị P, anh T và luật sư Lực.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện GCT;
 - CCTHADS huyện GCT;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2023-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung